ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 361 /TB-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc Quy đổi nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác trong đào tạo sau đại học ra giờ chuẩn giảng dạy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN THÔNG BÁO

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM thông báo hướng dẫn Quy đổi nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác trong đào tạo sau đại học ra giờ chuẩn giảng dạy áp dụng từ năm 2023 như sau:

1. Giờ chuẩn giảng dạy các học phần (môn học) sau đại học

Một (01) tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết, thực hành, thực tập chuyên đề cho lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được tính tối đa bằng 02 giờ chuẩn (kể cả các môn giảng bằng tiếng nước ngoài không phải là môn ngoại ngữ).

- Số giờ chuẩn = số tín chỉ theo khung chương trình *15 tiết * hệ số giảng dạy (k)
- k= n+m.

Trong đó:

- hệ số n: hệ số theo số lượng người học ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ như sau

Số học viên cao học	10 – 20	21 – 40	41 -70	Trên 70
Hệ số (n)	0.6	0.9	1.1	Tách 2 lớp, lớp đầu tiên 40 HV

Số nghiên cứu sinh	2	3 -4	5 -10	> 10
Hệ số (n)	0.3	0.8	1.2	Tách 2 lớp, lớp đầu tiên 5 NCS

- hệ số m = 0.8, hệ số giảng dạy chương trình thạc sĩ, tiến sĩ

- Các lớp cao học dưới 10 học viên và được Hiệu trưởng cho phép mở lớp thì hệ số người học (n) được tính bằng hệ số của lớp 10 học viên.

2. Giờ chuẩn trợ giảng các học phần (môn học) sau đại học

1 tiết trợ giảng = 1 giờ chuẩn.

3. Giờ chuẩn hướng dẫn luận văn thạc sĩ, đồ án thạc sĩ

3.1. Năm học tính giờ chuẩn hướng dẫn luận văn, đồ án được tính theo thời điểm ban hành quyết định giao nhiệm vụ thực hiện luận văn, đồ án của Nhà trường.

3.2. Giờ chuẩn hướng dẫn luận văn, đồ án theo từng phương thức đào tạo tính tối đa như sau:

3.2.1. ***Đối với các khóa tuyển từ năm 2021 trở về trước***:

- Phương thức nghiên cứu (PT1) = 88 giờ chuẩn.
- Phương thức định hướng nghiên cứu (PT2) = 38 giờ chuẩn
- Phương thức định hướng ứng dụng (PT3) = 23 giờ chuẩn

3.2.2. ***Đối với các khóa tuyển từ năm 2022 trở về sau*:**

- Chương trình nghiên cứu (PT1) = 132 giờ chuẩn.
- Chương trình ứng dụng theo PT2 = 38 giờ chuẩn
- Chương trình ứng dụng theo PT3 (đồ án)= 23 giờ chuẩn

3.3. Giờ chuẩn hướng dẫn luận văn, đồ án: ùy theo số lượng người hướng dẫn và thời điểm bảo vệ luận văn thạc sĩ của học viên, giờ chuẩn được tính cụ thể như sau:

3.3.1. Hướng dẫn độc lập:

- Học viên đã bảo vệ luận văn thạc sĩ: 01 luận văn = giờ chuẩn tối đa như mục 3.2 của văn bản này.
- Học viên chưa bảo vệ luận văn thạc sĩ: 01 luận văn = 1/2 giờ chuẩn tối đa như mục mục 3.2 của văn bản này.

3.3.2. Đồng hướng dẫn (tối đa 2 người hướng dẫn):

a) ***Đối với các khóa tuyển từ năm 2021 trở về trước***: *không phân biệt hướng dẫn chính, hướng dẫn phụ*, mỗi giảng viên hướng dẫn được tính giờ chuẩn như sau:

- Học viên đã bảo vệ luận văn thạc sĩ: 01 luận văn = 1/2 giờ chuẩn tối đa như mục 3.2.1 của văn bản này.
- Học viên chưa bảo vệ luận văn thạc sĩ: 01luận văn = 1/4 giờ chuẩn tối đa như mục 3.2.1 của văn bản này.

b) ***Đối với các khóa tuyển từ năm 2022 trở về sau***:

- Học viên đã bảo vệ luận văn thạc sĩ: số giờ chuẩn của mỗi giảng viên bằng giờ chuẩn tối đa như quy định tại mục 3.2.2 của văn bản này nhân với trọng số trách nhiệm hướng dẫn giữa 2 giảng viên.
- Học viên chưa bảo vệ luận văn thạc sĩ: số giờ chuẩn của mỗi giảng viên bằng 1/2 giờ chuẩn tối đa như quy định tại mục 3.2.2 của văn bản này nhân với trọng số trách nhiệm hướng dẫn giữa 2 giảng viên

Trọng số trách nhiệm hướng dẫn xác định vào thời điểm học viên đăng ký đề tài luận văn, đồ án và ghi rõ trong trong quyết định giao đề tài luận văn, đồ án.

4. Giờ chuẩn ra đề, chấm thi các học phần (môn học) sau đại học

a) Ra đề thi cuối kỳ: 1 đề thi = 2.5 giờ chuẩn

b) Chấm bài thi giữa kỳ và cuối kỳ: 1 bài thi (GK+CK) = 0.3 giờ chuẩn

5. Giờ chuẩn hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ:

1 chuyên đề tiến sĩ = 15 giờ chuẩn

6. Giờ chuẩn chấm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ

a) Chấm tiểu luận tổng quan = 2.5 giờ chuẩn.

b) Chấm chuyên đề tiến sĩ = 2.5 giờ chuẩn

7. Giờ chuẩn hướng dẫn luận án tiến sĩ

Một (01) luận án tiến sĩ được tính tối đa 200 giờ chuẩn. Tùy theo số lượng người hướng dẫn và thời điểm bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh, giờ chuẩn được tính cụ thể như sau:

7.1. Hướng dẫn độc lập:

a) *Nghiên cứu sinh chưa bảo vệ luận án tiến sĩ*: Theo quy định của Bộ GD&ĐT thì thời gian chính qui đào tạo tiến sĩ từ 3 năm đến 5 năm, tính trung bình là 4 năm tương ứng với 200 giờ chuẩn/ 1 luận án tiến sĩ, do đó giờ chuẩn 1 năm hướng dẫn luận án tiến sĩ được tính bằng 50 giờ chuẩn.

b) *Nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ:* Giờ chuẩn hướng dẫn luận án được tính bằng 200 giờ chuẩn chia đều cho số năm học thực tế mà nghiên cứu sinh đã thực hiện luận án.

7.2. Đồng hướng dẫn: *Tối đa 2 người, tỉ lệ và số giờ chuẩn giữa 2 người hướng dẫn như sau*:

a) Nghiên cứu sinh chưa bảo vệ luận án tiến sĩ:

- Hướng dẫn chính: 2/3 số giờ chuẩn, tương ứng 33 giờ chuẩn/ 1 năm/ 1 luận án.
- Hướng dẫn phụ: 1/3 số giờ chuẩn, tương ứng 17 giờ chuẩn/ 1 năm/ 1 luận án.

b) Nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ:

- Hướng dẫn chính: 2/3 số giờ chuẩn, Giờ chuẩn hướng dẫn luận án được tính bằng 133 giờ chuẩn chia đều cho số năm học thực tế mà nghiên cứu sinh đã thực hiện luận án.

- Hướng dẫn phụ: 1/3 số giờ chuẩn, Giờ chuẩn hướng dẫn luận án được tính bằng 67 giờ chuẩn chia đều cho số năm học thực tế mà nghiên cứu sinh đã thực hiện luận án.

8. Giờ chuẩn phản biện độc lập luận án tiến sĩ

Phản biện độc lập 01 luận án tiến sĩ = 12.5 giờ chuẩn.

9. Giờ chuẩn chấm luận văn thạc sĩ

- Chủ tịch Hội đồng = 6.5 giờ chuẩn/ 1 luận văn
- Phản biện = 6.5 giờ chuẩn/ 1 luận văn
- Ủy viên thư ký = 6.5 giờ chuẩn/ 1 luận văn
- Ủy viên = 5.0 giờ chuẩn/ 1 luận văn

10. Giờ chuẩn chấm luận án tiến sĩ

a) Cấp đơn vị chuyên môn

- Chủ tịch Hội đồng = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Phản biện = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Ủy viên thư ký = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Ủy viên = 8 giờ chuẩn/ 1 luận án

b) Cấp cơ sở đào tạo

- Chủ tịch Hội đồng = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Phản biện = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Ủy viên thư ký = 10 giờ chuẩn/ 1 luận án
- Ủy viên = 8 giờ chuẩn/ 1 luận án

11. Giờ chuẩn thiết kế, xây dựng, hoàn thiện một chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

a) Chủ trì xây dựng hoàn thiện 1 chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tính bằng 60 giờ chuẩn.

b) Tham gia xây dựng hoàn thiện 1 chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tính bằng 20 giờ chuẩn/ 1 người.

c) Xây dựng 1 môn học (đề cương, bài giảng) tính bằng 15 giờ chuẩn.

12. Biên soạn tài liệu, sách, giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập sau đại học

- Sách chuyên khảo (được xuất bản): được tính như sau:
- Sách chuyên khảo thuộc các nhà xuất bản quốc tế có uy tín
  - 100 giờ chuẩn / cuốn
  - 50% là chủ biên
  - 50% Chia đều cho các tác giả tham gia.
- Sách chuyên khảo thuộc các nhà xuất bản có uy tín trong nước
  - 50 giờ chuẩn / cuốn
  - 50% là chủ biên
  - 50% Chia đều cho các tác giả tham gia.
- Giáo trình (được xuất bản): được tính như sau:
  - 40 giờ chuẩn / cuốn
  - 50% là chủ biên
  - 50% Chia đều cho các tác giả tham gia.
- Tài liệu tham khảo (lưu hành nội bộ): được tính bằng 15 giờ chuẩn/tựa
- Tái bản có sửa chữa (lưu hành nội bộ): được tính bằng 10 giờ chuẩn.

Nơi nhận:
- website: https://www.hcmus.edu.vn;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Trần Lê Quan